

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

-Bản án số: **435/2023/HNGĐ - ST**

-Ngày: 30/8/2023

- V/v: “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tài.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Châu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: bà Cao Thị Thùy Trang Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 237/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Thị Ngọc Tuyền, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 299/19 Khu phố T, Phường K, Thành phố T, tỉnh

2. Bị đơn: Nguyễn Hoài P, sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Đoàn Thị Ngọc Tuyền bày:*** Năm 2022, chị và anh P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 21/12/2022. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 02/2023 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Bị đơn Nguyễn Hoài P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Chị T và anh P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 21/12/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh P sinh sống và thường trú tại xã P, huyện C, tỉnh T, chị T xin ly hôn với anh P, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị T yêu cầu ly hôn với anh P vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị đã ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị T xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như không có văn bản thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh P.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày vợ chồng chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh P vắng mặt, không có ý kiến tranh chấp vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hoài P.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Đoàn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0025914 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, av.

Phạm Văn Tài

